

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1252 /CT-TTHT
Vv hướng dẫn quyết toán thuế TNCN
năm 2019 và cấp MST NPT.

Bắc Giang, ngày 07 tháng 3 năm 2020

Kính gửi:

- Các cơ quan, đơn vị hành chính, sự nghiệp, đoàn thể;
- Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế;
- Cá nhân có thu nhập chịu thuế TNCN từ tiền lương, tiền công.

Căn cứ các quy định tại các Thông tư: số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013; số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013; số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014; số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014; số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Để thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân thực hiện thống nhất theo quy định của pháp luật thuế TNCN, Cục Thuế tỉnh Bắc Giang hướng dẫn một số nội dung lưu ý khi thực hiện quyết toán thuế TNCN năm 2019 và cấp mã số thuế người phụ thuộc như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG QUYẾT TOÁN THUẾ TNCN

1. Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công

1.1. Cá nhân cư trú khai QTT TNCN trong các trường hợp sau

- Có thu nhập từ tiền lương, tiền công có trách nhiệm khai quyết toán thuế nếu có số thuế phải nộp thêm.
 - Có số thuế nộp thừa có đề nghị hoàn hoặc bù trừ vào kỳ khai thuế tiếp theo.
 - Có thu nhập từ tiền lương, tiền công thuộc trường hợp xét giảm thuế TNCN do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo.
 - Là người nước ngoài kết thúc hợp đồng làm việc tại Việt Nam phải khai quyết toán thuế với cơ quan thuế khi xuất cảnh.

Lưu ý:

Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký lao động từ 03 (ba) tháng trở lên tại một đơn vị mà có thêm thu nhập vãng lai ở các nơi khác bình quân trong năm không quá 10 (mười) triệu đồng, đã được đơn vị trả thu nhập khấu trừ thuế tại nguồn theo tỷ lệ 10% nếu không có yêu cầu thi không quyết toán thuế đối với phần thu nhập này.

1.2. Cá nhân không phải thực hiện quyết toán thuế trong các trường hợp sau:

- Cá nhân cư trú có số thuế TNCN nộp thừa mà không có yêu cầu hoàn thuế hoặc bù trừ vào kỳ kê khai tiếp theo.

- Cá nhân cư trú không phát sinh số thuế phải nộp.
- Cá nhân không cư trú tại Việt Nam nhưng có phát sinh khấu trừ hoặc tạm nộp trong năm.

2. Tổ chức trả thu nhập từ tiền lương, tiền công

2.1. Tổ chức chi trả thu nhập phải QTT TNCN trong các trường hợp sau

- Phát sinh trả thu nhập từ tiền lương, tiền công (*không phân biệt có phát sinh khấu trừ thuế hay không phát sinh khấu trừ thuế*) có trách nhiệm khai quyết toán thuế và quyết toán thuế thay cho cá nhân có uỷ quyền.

- Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể hoặc phá sản theo quy định của Luật Doanh nghiệp thì phải quyết toán thuế đối với số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ chậm nhất là ngày thứ 45 (bốn mươi lăm) kể từ ngày chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể hoặc phá sản và cấp chứng từ khấu trừ thuế cho người lao động để làm cơ sở cho người lao động thực hiện quyết toán thuế thu nhập cá nhân.

- Trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp mà bên tiếp nhận kế thừa toàn bộ nghĩa vụ về thuế của doanh nghiệp trước chuyển đổi (như chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty trách nhiệm hữu hạn sang Công ty cổ phần hoặc ngược lại; chuyển đổi Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật) thì doanh nghiệp trước chuyển đổi không phải khai quyết toán thuế đến thời điểm có quyết định về việc chuyển đổi doanh nghiệp và không cấp chứng từ khấu trừ thuế đối với người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới, bên tiếp nhận thực hiện khai quyết toán thuế năm theo quy định.

Lưu ý:

- *Trường hợp sau khi tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi), người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới (tổ chức được hình thành sau khi tổ chức lại doanh nghiệp), cuối năm người lao động có ủy quyền quyết toán thuế thì tổ chức mới phải thu lại chứng từ khấu trừ thuế TNCN do tổ chức cũ đã cấp cho người lao động để làm căn cứ tổng hợp thu nhập, số thuế đã khấu trừ và quyết toán thuế thay cho người lao động.*

Riêng tổ chức trả thu nhập giải thể, chấm dứt hoạt động có phát sinh trả thu nhập nhưng không phát sinh khấu trừ thuế TNCN thì tổ chức trả thu nhập không thực hiện quyết toán thuế thu nhập cá nhân, chỉ cung cấp cho cơ quan thuế danh sách cá nhân đã chi trả thu nhập trong năm (nếu có) theo Mẫu số 05/DS-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính chậm nhất là ngày thứ 45 kể từ ngày có quyết định về việc giải thể, chấm dứt hoạt động.

2.2. Tổ chức không phải thực hiện QTT TNCN trong các trường hợp sau

- Không phát sinh chi trả thu nhập tiền lương, tiền công.

- Giải thể, chấm dứt hoạt động có phát sinh trả thu nhập nhưng không phát sinh khấu trừ thuế TNCN.

II. HÌNH THỨC QUYẾT TOÁN THUẾ TNCN

1. Cá nhân ủy quyền QTT TNCN qua tổ chức trả thu nhập

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ủy quyền cho tổ chức trả thu nhập quyết toán thuế trong các trường hợp sau:

+ Cá nhân chỉ có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một tổ chức trả thu nhập và thực tế đang làm việc tại đó vào thời điểm ủy quyền quyết toán thuế (bao gồm cả trường hợp không làm việc đủ 12 tháng trong năm tại tổ chức) thì được ủy quyền quyết toán thuế tại tổ chức trả thu nhập đó đối với phần thu nhập do tổ chức đó chi trả, kể cả trường hợp cá nhân đồng thời có thu nhập từ bảo hiểm nhân thọ (trừ bảo hiểm hưu trí tự nguyện), bảo hiểm không bắt buộc khác có tích lũy về phí bảo hiểm mà đã khấu trừ thuế TNCN 10%.

+ Trường hợp tổ chức trả thu nhập thực hiện việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi) và người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới (tổ chức được hình thành sau khi tổ chức lại doanh nghiệp), nếu trong năm người lao động không có thêm thu nhập từ tiền lương, tiền công tại một nơi nào khác thì được ủy quyền quyết toán cho tổ chức mới quyết toán thuế thay đổi với cả phần thu nhập tổ chức cũ chi trả. Trường hợp điều chuyển người lao động giữa các tổ chức trong cùng một hệ thống như: Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty mẹ - con, Trụ sở chính và chi nhánh thì cũng được áp dụng nguyên tắc ủy quyền quyết toán thuế như đối với trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp.

+ Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một tổ chức trả thu nhập, đồng thời có thu nhập vãng lai ở các nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 10 triệu đồng đã được đơn vị trả thu nhập khấu trừ thuế theo tỷ lệ 10% nếu cá nhân không có yêu cầu quyết toán thuế đối với thu nhập vãng lai thì được ủy quyền quyết toán tại tổ chức trả thu nhập ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên. Nếu cá nhân có yêu cầu quyết toán thuế đối với thu nhập vãng lai thì cá nhân trực tiếp quyết toán với cơ quan thuế.

Ví dụ 1: Năm 2019, Bà A có thu nhập từ tiền lương theo hợp đồng lao động trên 3 tháng và tại thời điểm ủy quyền quyết toán thuế 2019 đang làm việc tại Công ty X, đồng thời có thu nhập vãng lai tại các nơi khác là 80 triệu đồng đã khấu trừ thuế TNCN 10%. Như vậy, thu nhập vãng lai bình quân tháng trong năm 2019 của Bà A nhỏ hơn 10 triệu đồng ($80 \text{ triệu đồng} : 12 \text{ tháng} = 6.7 \text{ triệu đồng/tháng}$), nếu Bà A thuộc diện phải quyết toán thuế và không có yêu cầu quyết toán thuế đối với thu nhập vãng lai thì Bà A ủy quyền quyết toán thuế năm 2019 cho Công ty X. Công ty X chỉ quyết toán thuế thay Bà A đối với phần thu nhập do Công ty X trả.

Lưu ý:

- Cá nhân ủy quyền cho tổ chức trả thu nhập quyết toán thay theo mẫu số 02/UQ-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính, kèm theo bản chụp hóa đơn, chứng từ chứng minh đóng góp từ thiện, nhân đạo, khuyến học (nếu có).

- Trường hợp tổ chức trả thu nhập có số lượng lớn người lao động ủy quyền quyết toán thuế thì tổ chức trả thu nhập có thể lập danh sách các cá nhân ủy quyền trong đó phản ánh đầy đủ các nội dung tại mẫu số 02/UQ-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính, đồng thời cam kết tính chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu, nội dung trong danh sách.

2. Cá nhân không ủy quyền QTT TNCN cho tổ chức chi trả thu nhập

- Cá nhân đảm bảo điều kiện được ủy quyền cho tổ chức trả thu nhập quyết toán thuế theo hướng dẫn tại Điểm 1 nêu trên nhưng đã được tổ chức trả thu nhập cấp chứng từ khấu trừ thuế (trừ trường hợp tổ chức trả thu nhập đã thu hồi và hủy chứng từ khấu trừ thuế đã cấp cho cá nhân).

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công không đảm bảo điều kiện được ủy quyền cho tổ chức trả thu nhập quyết toán thuế theo hướng dẫn tại Điểm 1 nêu trên, nhưng thuộc diện phải quyết toán thuế TNCN theo quy định thì trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế trên toàn bộ thu nhập phát sinh trong năm, cụ thể một số trường hợp không ủy quyền quyết toán thuế TNCN như sau:

+ Cá nhân chỉ có thu nhập vãng lai đã khấu trừ thuế theo tỷ lệ 10% (kể cả trường hợp có thu nhập vãng lai duy nhất tại một nơi).

+ Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một đơn vị, đồng thời có thu nhập vãng lai chưa khấu trừ thuế (bao gồm trường hợp chưa đến mức khấu trừ và đã đến mức khấu trừ nhưng không khấu trừ).

- Cá nhân chưa đăng ký mã số thuế.

- Cán nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công đồng thời thuộc trường hợp xét giảm thuế do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo.

Ví dụ 2: Năm 2019, Ông B có thu nhập từ tiền lương theo hợp đồng lao động trên 03 tháng tại Công ty M, tháng 3/2019 ông B có thu nhập vãng lai tại Công ty N là 20 triệu đồng đã khấu trừ thuế 10%, tháng 10/2019 ông B có thu nhập vãng lai tại Công ty K là 1,5 triệu đồng chưa đến mức khấu trừ thuế. Như vậy, trong năm 2019 Ông B có một khoản thu nhập chưa khấu trừ thuế, nếu Ông B thuộc diện quyết toán thuế thì Ông B không ủy quyền quyết toán tại Công ty M, mà trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế.

3. Trường hợp điều chỉnh sau khi đã ủy quyền quyết toán thuế

Cá nhân sau khi đã ủy quyền quyết toán thuế, tổ chức trả thu nhập đã thực hiện quyết toán thuế thay cho cá nhân, nếu phát hiện cá nhân thuộc diện trực tiếp

quyết toán thuế với cơ quan thuế thì tổ chức trả thu nhập không điều chỉnh lại quyết toán thuế TNCN của tổ chức trả thu nhập, chỉ cấp chứng từ khấu trừ thuế cho cá nhân theo số quyết toán và ghi vào góc dưới bên trái của chứng từ khấu trừ thuế nội dung: “*Công ty ... đã quyết toán thuế TNCN thay cho Ông/Bà (theo ủy quyền) tại dòng (số thứ tự) ... của Phụ lục Bảng kê 05-1/BK-TNCN*” để cá nhân trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế.

III. MỘT SỐ NỘI DUNG KHÁC

1. Thu nhập chịu thuế

Thu nhập chịu thuế TNCN được xác định theo hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013; Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014; Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014; Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính.

Lưu ý:

- *Đối với khoản tiền nhà ở, điện, nước và các dịch vụ kèm theo (nếu có) không bao gồm: Khoản lợi ích về nhà ở, điện nước và các dịch vụ kèm theo (nếu có) đối với nhà ở do người sử dụng lao động xây dựng để cung cấp miễn phí cho người lao động làm việc tại khu công nghiệp; nhà ở do người sử dụng lao động xây dựng tại khu kinh tế, địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn cung cấp miễn phí cho người lao động làm việc tại đó.*

- *Trường hợp cá nhân ở tại trụ sở làm việc thì thu nhập chịu thuế căn cứ vào tiền thuê nhà hoặc chi phí khấu hao, tiền điện, nước và các dịch vụ khác tính theo tỷ lệ giữa diện tích cá nhân sử dụng với diện tích trụ sở làm việc.*

- *Khoản tiền thuê nhà, điện nước và các dịch vụ kèm theo (nếu có) đối với nhà ở do đơn vị sử dụng lao động trả thay tính vào thu nhập chịu thuế theo số thực tế trả thay nhưng không vượt quá 15% tổng thu nhập chịu thuế phát sinh (chưa bao gồm tiền thuê nhà, điện nước và dịch vụ kèm theo (nếu có)) tại đơn vị không phân biệt nơi trả thu nhập.*

- *Các khoản phụ cấp, trợ cấp không tính vào thu nhập chịu thuế được tổng hợp tại Danh mục tổng hợp các khoản phụ cấp, trợ cấp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành làm cơ sở xác định thu nhập chịu thuế TNCN từ tiền lương, tiền công, ban hành tại công văn số 1381/TCT-TNCN ngày 24/4/2014 của Tổng cục Thuế.*

2. Thu nhập tính thuế bình quân tháng

- Khi thực hiện quyết toán thuế năm thì thu nhập tính thuế bình quân tháng được xác định bằng tổng thu nhập cả năm (12 tháng) trừ (-) tổng các khoản giảm trừ của cả năm sau đó chia cho 12 tháng, cụ thể như sau:

Thu nhập tính thuế bình quân tháng	Tổng thu nhập chịu thuế	Tổng các khoản giảm trừ
	12 tháng	

- Trường hợp cá nhân cư trú là công dân của quốc gia, vùng lãnh thổ đã ký kết Hiệp định với Việt Nam về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập thì nghĩa vụ thuế TNCN được tính từ tháng đến Việt Nam trong trường hợp cá nhân lần đầu tiên có mặt tại Việt Nam đến tháng kết thúc Hợp đồng lao động và rời Việt Nam (được tính đủ theo tháng) không phải thực hiện các thủ tục xác nhận lãnh sự để thực hiện không thu thuế trùng hai lần theo hiệp định..

Ví dụ 3: Năm 2019, ông D là công dân của Nhật Bản đến Việt Nam lần đầu tiên vào ngày 05/3/2019 theo Hợp đồng làm việc tại Công ty X, đến ngày 25/11/2019 ông D kết thúc Hợp đồng làm việc tại Công ty X và rời Việt Nam. Hàng tháng ông D nhận được tổng thu nhập từ tiền lương, tiền công (từ công ty tại Việt Nam và tại Nhật Bản trả) là 70 triệu đồng/tháng. Ông D không kê khai người phụ thuộc. Từ ngày 05/3/2019 đến 25/11/2019, ông D có mặt tại Việt Nam là 265 ngày. Như vậy, năm 2019 ông D là cá nhân cư trú tại Việt Nam. Trước khi rời Việt Nam ngày 25/11/2019, ông D thực hiện quyết toán thuế TNCN tại Việt Nam như sau:

- Tổng thu nhập chịu thuế năm 2019: $70 \text{ triệu đồng} \times 9 \text{ tháng} = 630 \text{ triệu đồng}$

- Khoản giảm trừ gia cảnh cho bản thân ông D năm 2019:
 $9 \text{ triệu đồng} \times 9 \text{ tháng} = 81 \text{ triệu đồng}$.

- Thu nhập tính thuế năm 2019:

$630 \text{ triệu đồng} - 81 \text{ triệu đồng} = 549 \text{ triệu đồng}$

- Thu nhập tính thuế bình quân tháng năm 2019:

$549 \text{ triệu đồng} : 9 \text{ tháng} = 61 \text{ triệu đồng}$.

3. Quy đổi thu nhập không bao gồm thuế TNCN thành thu nhập có thuế TNCN

Việc quy đổi thu nhập không bao gồm thuế TNCN thành thu nhập có thuế TNCN được thực hiện theo hướng dẫn tại Khoản 1, Điều 14, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính.

4. Các khoản giảm trừ

Các khoản giảm trừ được trừ vào thu nhập chịu thuế của cá nhân trước khi xác định thu nhập tính thuế từ tiền lương, tiền công thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính và Điều 15 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính. Cụ thể một số nội dung cần lưu ý như sau:

4.1. Về việc tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân

Giảm trừ cho bản thân = 09 triệu đồng/tháng x Tổng số tháng được tính giảm trừ trong năm.

Trường hợp cá nhân ủy quyền quyết toán cho tổ chức, doanh nghiệp thì giảm trừ cho bản thân được tính đủ 12 tháng là 108 triệu đồng/năm.

Lưu ý:

- Trường hợp trong kỳ tính thuế cá nhân cư trú chưa tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân hoặc tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân chưa đủ 12 tháng thì được tính đủ 12 tháng nếu thực hiện quyết toán thuế theo quy định.

Ví dụ 4: Từ tháng 01/2019 đến tháng 4/2019 bà E không có thu nhập từ tiền lương, tiền công. Từ tháng 5/2019 đến tháng 12/2019 bà E có thu nhập từ tiền lương, tiền công do ký hợp đồng lao động trên 03 tháng tại Công ty A. Như vậy, trong năm 2019 bà E được tạm tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân từ tháng 5/2019 đến hết tháng 12/2019 (tương ứng với tháng có phát sinh thu nhập). Nếu bà E thực hiện quyết toán thuế thì bà E được tính giảm trừ cho bản thân đủ 12 tháng.

- Đối với cá nhân là công dân của quốc gia, vùng lãnh thổ đã ký kết Hiệp định với Việt Nam về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và là cá nhân cư trú tại Việt Nam thì việc tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân được tính tương ứng với số tháng xác định nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân phải khai tại Việt Nam theo quy định.

Ví dụ 5: Ông F là người nước ngoài đến Việt Nam lần đầu tiên vào ngày 25/10/2018. Ngày 05/8/2019, ông F kết thúc hợp đồng lao động về nước. Trong khoảng thời gian từ ngày 25/10/2018 đến ngày 05/8/2019 Ông F có mặt tại Việt Nam 285 ngày. Như vậy trong năm tính thuế đầu tiên (từ ngày 25/10/2018 đến ngày 05/8/2019), ông F là cá nhân cư trú tại Việt Nam và được giảm trừ gia cảnh cho bản thân từ tháng 10/2018 đến hết tháng 8/2019.

4.2. Về việc tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc

+ **Giảm trừ cho người phụ thuộc** = 3,6 triệu đồng/người x Tổng số tháng đã tính giảm trừ cho người phụ thuộc trong năm.

Trường hợp cá nhân ủy quyền quyết toán cho tổ chức, doanh nghiệp thì giảm trừ cho người phụ thuộc được tính đủ theo thực tế phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng trong kỳ nếu cá nhân có đăng ký giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc theo quy định (Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính).

Lưu ý:

- Người phụ thuộc đã đăng ký và có đầy đủ hồ sơ chứng minh người phụ thuộc theo quy định tại Điều g, Khoản 1, Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC

ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính thì được tính giảm trừ gia cảnh trong năm 2019, kể cả trường hợp người phụ thuộc chưa được cơ quan thuế cấp MST.

- Trường hợp người nộp thuế đăng ký giảm trừ người phụ thuộc sau thời điểm thực tế phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng nhưng tại Mẫu số 20/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính khai “thời điểm tính giảm trừ” đúng với thời điểm thực tế phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng thì khi quyết toán thuế TNCN được tính lại theo thực tế phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng mà không phải đăng ký lại.

- Trường hợp người nộp thuế đăng ký giảm trừ người phụ thuộc sau thời điểm thực tế phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng và tại Mẫu số số 20/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính khai “thời điểm tính giảm trừ” sau thời điểm thực tế phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng, nếu cá nhân thuộc diện phải quyết toán thuế thì khi quyết toán thuế để được tính lại theo thực tế phát sinh, cá nhân đăng ký lại tại Mẫu số toán thuế để được tính lại theo thực tế phát sinh, cá nhân đăng ký lại tại Mẫu số số 20/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính và gửi kèm theo hồ sơ quyết toán thuế.

- Đối với cá nhân là công dân của quốc gia, vùng lãnh thổ đã ký kết Hiệp định với Việt Nam về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và là cá nhân cư trú tại Việt Nam thì việc tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc được tính tương ứng với số tháng xác định nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân phải khai tại Việt Nam theo quy định.

Ví dụ 6: Giả sử tháng 3/2019 bà K sinh con, tháng 8/2019 bà K đăng ký giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc, tại Mẫu số Mẫu số số 20/ĐK-TCT bà K khai chỉ tiêu “thời điểm tính giảm trừ” là tháng 3/2019 thì trong năm bà K được tạm tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc kể từ tháng 8/2019, khi quyết toán bà K được tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc từ tháng 3/2019 đến hết tháng 12/2019 mà không phải đăng ký lại.

Ví dụ 7: Giả sử tháng 3/2019 bà K sinh con, tháng 8/2019 bà K đăng ký giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc, tại Mẫu số số 20/ĐK-TCT bà K khai chỉ tiêu “thời điểm tính giảm trừ” là tháng 8/2019 thì trong năm bà K được tạm tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc kể từ tháng 8/2019, khi quyết toán để được tính lại theo thực tế phát sinh từ tháng 3/2019 thì bà K phải đăng ký lại theo thực tế phát sinh tại Mẫu số số 20/ĐK-TCT và gửi kèm theo hồ sơ quyết toán thuế.

- Trường hợp người nộp thuế chưa tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc trong năm tính thuế thì được tính giảm trừ gia cảnh cho NPT kể từ tháng phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng khi người nộp thuế thực hiện quyết toán thuế và đã khai đầy đủ thông tin NPT gửi tổ chức trả thu nhập kê khai vào mẫu phụ lục Bảng kê 05-3/BK-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính.

- Trường hợp người nộp thuế có phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng đối với người phụ thuộc khác hướng dẫn tại tiết d.4, Điểm d, Khoản 1, Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính (như: anh, chị, em ruột; ông, bà nội ngoại; cô, dì...) thì thời hạn đăng ký giảm trừ gia cảnh chậm nhất là ngày 31/12/2019, nếu đăng ký giảm trừ gia cảnh quá thời hạn nêu trên người nộp thuế không được giảm trừ gia cảnh đối với người phụ thuộc đó cho năm 2019.

4.3. Điều kiện để xác định người khuyết tật, không có khả năng lao động là người phụ thuộc

Người khuyết tật, không có khả năng lao động theo hướng dẫn tại tiết đ.1.1, Điểm đ, Khoản 1, Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính là những người thuộc diện điều chỉnh của pháp luật về người khuyết tật, người mắc bệnh hiểm nghèo và không có khả năng lao động. Danh mục bệnh hiểm nghèo được áp dụng theo công văn số 6383/BTC-TCT ngày 18/5/2015 của Bộ Tài chính về việc xác định cá nhân mắc bệnh hiểm nghèo được xét giảm thuế thu nhập cá nhân.

IV. HỒ SƠ QTT, NOI NỘP VÀ THỜI HẠN NỘP QTT

1. Hồ sơ khai quyết toán thuế

Hồ sơ khai quyết toán thuế TNCN năm 2019 thực hiện theo hướng dẫn tại Điểm b.2, Khoản 1; Điểm b.2, Khoản 2, Điều 16 Thông tư số 156/TT-BTC ngày 06/11/2013; Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014; Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 và Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính. Cụ thể một số nội dung cần lưu ý như sau:

1.1. Hồ sơ QTT đối với tổ chức chi trả thu nhập bao gồm:

- Tờ khai QTT Mẫu số 05/QTT-TNCN;
- Bảng kê số 05-1/BK-QTT-TNCN, Bảng kê số 05-2/BK-QTT-TNCN, Bảng kê số 05-3/BK-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC.

Lưu ý:

- Tại bảng kê số 05-1/BK-QTT-TNCN và 05-1/BK-QTT-TNCN phải đảm bảo 100% người nộp thuế có mã số thuế.
 - Khi QTT, tổ chức trả thu nhập điền chính xác và đầy đủ các thông tin: địa chỉ, số điện thoại và email.
 - Không khấu trừ thuế TNCN đã nộp ở nước ngoài.
 - Tại bảng kê số 05-3/BK-QTT-TNCN thực hiện kê khai giảm trừ gia cảnh trong năm 2019.

1.2. Hồ sơ QTT đối với cá nhân tự QTT với cơ quan thuế bao gồm:

- Tờ khai QTT Mẫu số 02/QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC.
- Phụ Lục Mẫu số 02-1/BK-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC (nếu có đăng ký giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc).

- Bản chụp các chứng từ chứng minh số thuế đã nộp, đã tạm nộp trong năm, số thuế đã nộp ở nước ngoài (nếu có). Cá nhân cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin trên bản chụp đó.

Trường hợp tổ chức trả thu nhập không cấp chứng từ khấu trừ thuế cho cá nhân do tổ chức trả thu nhập đã chấm dứt hoạt động thì cơ quan thuế căn cứ cơ sở dữ liệu của ngành thuế để xem xét xử lý hồ sơ quyết toán thuế cho cá nhân mà không bắt buộc phải có chứng từ khấu trừ thuế.

Trường hợp người nộp thuế bị mất chứng từ khấu trừ thuế (liên giao cho người nộp thuế) thì người nộp thuế có thể sử dụng bản chụp chứng từ khấu trừ thuế (liên lưu tại tổ chức chi trả thu nhập) để chứng minh số thuế thu nhập đã khấu trừ, đã tạm nộp trong năm khi hoàn thuế, quyết toán thuế. Cơ quan thuế nhận hồ sơ có trách nhiệm đối chiếu chứng từ khấu trừ thuế người nộp thuế cung cấp với các thông tin trên hệ thống dữ liệu ngành thuế và một số tài liệu khác liên quan khi giải quyết hồ sơ hoàn thuế, quyết toán thuế cho người nộp thuế.

Trường hợp cơ quan thuế nước ngoài không cấp giấy xác nhận số thuế đã nộp, người nộp thuế nộp bản chụp giấy chứng nhận khấu trừ thuế (ghi rõ đã nộp thuế theo tờ khai thuế thu nhập nào) do cơ quan chi trả cấp hoặc bản chụp chứng từ ngân hàng đối với số thuế đã nộp ở nước ngoài có xác nhận của người nộp thuế.

Lưu ý:

- Khi khai QTT các cá nhân điền đầy đủ, chính xác các thông tin sau: Địa chỉ để liên hệ, số máy điện thoại, email, họ và tên vợ hoặc chồng, mã số thuế của vợ hoặc chồng hoặc số chứng minh nhân dân.

- Đối với hồ sơ hoàn thuế, ghi chính xác số tài khoản ngân hàng, tên ngân hàng, chi nhánh.

- Chỉ tiêu số [37] - Đã khấu trừ, tại Mẫu số 02/QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ghi số thuế tổ chức trả thu nhập đã khấu trừ (có kèm theo chứng từ khấu trừ thuế TNCN).

- Chỉ tiêu số [38] – Đã tạm nộp, tại Mẫu số 02/QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ghi số thuế mà cá nhân đã nộp vào ngân sách nhà nước theo mã số thuế của cá nhân.

2. Nơi nộp hồ sơ quyết toán thuế

2.1. Đối với tổ chức trả thu nhập

Theo hướng dẫn tại Khoản 1, Điều 16 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính thì nơi nộp hồ sơ quyết toán thuế TNCN đối với tổ chức trả thu nhập như sau:

- Tổ chức trả thu nhập là cơ sở sản xuất, kinh doanh nộp hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế trực tiếp quản lý tổ chức.

- Tổ chức trả thu nhập là cơ quan Trung ương; cơ quan thuộc, trực thuộc Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh; cơ quan cấp tỉnh nộp hồ sơ khai thuế tại Cục Thuế nơi tổ chức đóng trụ sở chính.

- Tổ chức trả thu nhập là cơ quan thuộc, trực thuộc UBND cấp huyện; cơ quan cấp huyện nộp hồ sơ khai thuế tại Chi cục Thuế nơi tổ chức đóng trụ sở chính.

- Tổ chức trả thu nhập là các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế, văn phòng đại diện của các tổ chức nước ngoài nộp hồ sơ khai thuế tại Cục Thuế nơi tổ chức đóng trụ sở chính.

2.2. Đối với cá nhân

Theo hướng dẫn tại Điểm c, Khoản 3, Điều 21 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính thì nơi nộp hồ sơ quyết toán của cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công như sau:

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công trực tiếp khai thuế trong năm thì nơi nộp hồ sơ quyết toán thuế là Cục Thuế nơi cá nhân nộp hồ sơ khai thuế trong năm.

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công từ hai nơi trở lên thuộc diện tự quyết toán thuế thì nơi nộp hồ sơ quyết toán thuế như sau:

+ Cá nhân đã tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân tại tổ chức trả thu nhập nào thì nộp hồ sơ quyết toán thuế tại cơ quan thuế trực tiếp quản lý tổ chức trả thu nhập đó.

+ Trường hợp cá nhân có thay đổi nơi làm việc và tại tổ chức trả thu nhập cuối cùng có tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân thì nộp hồ sơ quyết toán thuế tại cơ quan thuế quản lý tổ chức trả thu nhập cuối cùng.

+ Trường hợp cá nhân có thay đổi nơi làm việc và tại tổ chức trả thu nhập cuối cùng không tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân thì nộp hồ sơ quyết toán thuế tại Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú (nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú).

Ví dụ 8: Năm 2019, ông S làm việc tại TP Hồ Chí Minh và thuộc diện phải trực tiếp quyết toán thuế TNCN. Tháng 01/2020, ông S chuyển ra Hà Nội làm việc tại Công ty A do Chi cục Thuế quận Hoàn Kiếm quản lý và cư trú tại Chi cục Thuế quận Tây Hồ. Như vậy, Ông S nộp hồ sơ quyết toán thuế TNCN năm 2019 tại:

Chi cục Thuế quận Hoàn Kiếm nếu tại thời điểm quyết toán năm 2019, Ông S đang được tính giảm trừ bản thân tại Công ty A.

Chi cục Thuế quận Tây Hồ nếu tại thời điểm quyết toán năm 2019, Ông S không tính giảm trừ bản thân tại Công ty A.

+ Trường hợp cá nhân chưa tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân ở bất kỳ tổ chức trả thu nhập nào thì nộp hồ sơ quyết toán thuế tại Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú (nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú).

- Trường hợp cá nhân không ký hợp đồng lao động, hoặc ký hợp đồng lao động dưới 03 tháng, hoặc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ có thu nhập tại một nơi hoặc nhiều nơi đã khấu trừ 10% thì quyết toán thuế tại Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú (nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú).

- Cá nhân trong năm có thu nhập từ tiền lương, tiền công tại một nơi hoặc nhiều nơi nhưng tại thời điểm quyết toán không làm việc tại tổ chức trả thu nhập nào thì nơi nộp hồ sơ quyết toán thuế là Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú (nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú).

Lưu ý: Cá nhân sử dụng ứng dụng của cơ quan thuế HTKK hoặc khai trực tuyến trên trang <http://thuedientu.gdt.gov.vn> (eTax) sau đó gửi file dữ liệu trên eTax thì ứng dụng hỗ trợ tự động xác định cơ quan thuế nộp hồ sơ QTT sau khi cá nhân khai đầy đủ các thông tin trên ứng dụng.

3. Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế TNCN

3.1. Đối với tổ chức chi trả thu nhập

- Tổ chức chi trả thu nhập phải QTT theo năm dương lịch thì thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế năm 2019 chậm nhất là ngày 30/3/2020.

- Tổ chức chi trả thu nhập trường hợp: chia, tách, hợp nhất, sát nhập, chuyển đổi, giải thể hoặc phá sản theo quy định của Luật Doanh nghiệp thì phải QTT đối với số thuế TNCN đã khấu trừ chậm nhất là ngày thứ 45 (bốn mươi lăm) kể từ ngày chia, tách, hợp nhất, sát nhập, chuyển đổi, giải thể hoặc phá sản.

3.2. Đối với cá nhân trực tiếp QTT đối với cơ quan thuế

- Cá nhân có số thuế phải nộp thêm, thời hạn QTT năm 2019 chậm nhất là ngày 30/3/2020.

- Cá nhân có số thuế nộp thừa, yêu cầu hoàn thuế hoặc bù trừ tiền thuế vào kỳ kê khai tiếp theo, nộp hồ sơ bất cứ thời điểm nào kể từ ngày kết thúc năm tính thuế.

V. ỨNG DỤNG CNTT HỖ TRỢ QTT TNCN NĂM 2019

Hệ thống thuế điện tử (eTax) tại địa chỉ <http://thuedientu.gdt.gov.vn>, cụ thể như sau:

- Đối với các tổ chức trả thu nhập có sử dụng chữ ký số thì truy cập vào cổng thông tin điện tử <http://thuedientu.gdt.gov.vn> để gửi dữ liệu cho cơ quan thuế (**không gửi hồ sơ QTT bản giấy**).

- Cá nhân và tổ chức chưa sử dụng chữ ký số thực hiện kê khai tờ khai QTT TNCN sẽ thực hiện nộp QTT bao gồm:

+ Tờ khai QTT bản giấy có ký tên người nộp thuế (ký đóng dấu đối với tổ chức).

+ File dữ liệu QTT gửi lên trang <http://thuedientu.gdt.gov.vn> hoặc copy file mềm vào usb nộp cùng bản giấy cho cơ quan thuế.

Lưu ý:

Cá nhân và tổ chức trả thu nhập kết xuất dữ liệu file Excel để lưu, file XML để gửi cơ quan thuế.

Trên trang website của Cục Thuế tỉnh Bắc Giang <http://bacgiang.gdt.gov> có đăng tải các phần mềm, tài liệu hướng dẫn cài đặt, hướng dẫn kê khai QTT TNCN để các cá nhân và tổ chức dễ dàng thực hiện QTT TNCN năm 2019.

VI. CẤP MÃ SỐ THUẾ NGƯỜI PHỤ THUỘC.

Cấp mã số thuế người phụ thuộc thực hiện theo Phụ lục số 01 kèm theo công văn này.

Cục Thuế tỉnh Bắc Giang khuyến cáo:

- Các tổ chức, cá nhân nên nộp hồ sơ QTT TNCN trước thời hạn để tránh ùn tắc trong giai đoạn cao điểm.

- Đối với trường hợp nộp hồ sơ QTT TNCN bằng bản giấy thì nên gửi qua đường bưu điện để tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại, tránh tập trung đông người nhằm phòng chống dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới virut corona gây ra.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị liên hệ với Cục Thuế tỉnh Bắc Giang (qua Phòng Tuyên truyền- Hỗ trợ người nộp thuế, số máy 02043857284) để được hướng dẫn và hỗ trợ./.vý

Nơi nhận:

- Như trên (email);
- Lãnh đạo Cục (email);
- Các Chi cục Thuế khu vực (email);
- Các Phòng: QLHCNTK; KK; CNTT (email);
- Website Cục Thuế (<http://bacgiang.gdt.gov.vn>);
- Lưu: VT, TTHT.



Phạm Văn Thịnh

PHỤ LỤC SỐ 01
CẤP MÃ SỐ THUẾ NGƯỜI PHỤ THUỘC
(Kèm theo Công văn số 1252 /CT-TTHT ngày 04/tháng 3 năm 2020)

1. Cá nhân đăng ký mã số thuế người phụ thuộc (MST NPT) trực tiếp với cơ quan thuế.

- **Hồ sơ bao gồm:**

+ Tờ khai đăng ký người phụ thuộc giảm trừ gia cảnh Mẫu 20-ĐK-TCT theo Thông tư 95/2016/TT-BTC.

+ Bản sao không yêu cầu chứng thực thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực hoặc Giấy khai sinh còn hiệu lực, Hộ chiếu hoặc Giấy khai sinh còn hiệu lực;

+ Hồ sơ chứng minh nghĩa vụ nuôi dưỡng đối với người phụ thuộc khác hướng dẫn tại tiết d.4, Điểm d, Khoản 1, Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính (như: anh, chị, em ruột; ông, bà nội ngoại; cô, dì...) thì thời hạn đăng ký giảm trừ gia cảnh chậm nhất là ngày 31/12/2015

- **Nơi nộp hồ sơ:**

Nộp tại nơi nộp hồ sơ quyết toán thuế TNCN (theo hướng dẫn tại Điều 2.2, Mục IV Công văn hướng dẫn).

2. Tổ chức chi trả thu nhập đăng ký MST NPT cho người lao động

Việc cấp mã số thuế người phụ thuộc thông qua tổ chức chi trả thu nhập được thực hiện đối với các trường hợp người phụ thuộc chưa được cấp mã số thuế.

Cụ thể, tổ chức chi trả thu nhập thực hiện:

- Đăng ký MST NPT trực tuyến trên trang <http://thuedientu.gdt.gov.vn>

(áp dụng trường hợp đăng ký ít người phụ thuộc)

- Khai vào mẫu 02TH tiêu đề trên ứng dụng HTKK “Đăng ký NPT giảm trừ gia cảnh” tên biểu mẫu “Bảng tổng hợp đăng ký NPT giảm trừ gia cảnh”. Thực hiện gửi file dữ liệu và tra cứu kết quả cấp mã số thuế người phụ thuộc trên trang <http://thuedientu.gdt.gov.vn>.

3. Điều chỉnh thông tin kê khai sai

- Căn cứ vào kết quả phản hồi của cơ quan thuế, trường hợp cấp MST không thành công, tổ chức trả thu nhập yêu cầu người lao động bổ sung thông tin và thực hiện như sau:

+ Lỗi do thông tin kê khai sai: tổ chức khai điều chỉnh, bổ sung thông tin.

+ Lỗi trùng số CMND/ giấy khai sinh NPT: Tổ chức nộp cơ quan thuế hồ sơ bao gồm:

- Danh sách báo lỗi trùng của cơ quan thuế gửi lại cho đơn vị.
- Giấy khai sinh hoặc chứng minh thư phô tô của người phụ thuộc bị báo trùng thông tin.
- Mẫu 20-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư 95/2016/TT-BTC của người nộp thuế đăng ký người phụ thuộc (bản photo).

- Toàn bộ hồ sơ chứng minh nghĩa vụ nuôi dưỡng theo đúng quy định tại thông tư 95/2016/TT-BTC (bản photo).

+ Lỗi trùng thời gian giảm trừ NPT: Tổ chức trả thu nhập hướng dẫn NNT thực hiện kết thúc giảm trừ gia cảnh của lần đăng ký trước đó hoặc điều chỉnh thời gian đăng ký của lần hiện tại hoặc tổ chức chuẩn bị những giấy tờ sau và nộp tại bộ phận một cửa của cơ quan thuế quản lý đơn vị:

- Danh sách hồ sơ báo lỗi trùng của cơ quan thuế gửi lại cho đơn vị.
- Giấy khai sinh hoặc chứng minh thư của người phụ thuộc (bản photo).
- Mẫu 20-ĐK-TCT của người nộp thuế đăng ký người phụ thuộc (photo).
- Toàn bộ hồ sơ chứng minh nghĩa vụ nuôi dưỡng theo đúng quy định tại thông tư 95/2016/BTC (bản photo).

Cơ quan thuế sẽ xem xét trường hợp này có người đăng ký giảm trước đó hay chưa hoặc bên đã đăng ký người phụ thuộc phải thực hiện cắt giảm trừ người phụ thuộc tròn năm dương lịch, sau đó mới đăng ký người phụ thuộc cho người nộp thuế khác.

- Trường hợp thay đổi, bổ sung thêm mới hoặc giảm NPT tổ chức trả thu nhập thực hiện khai bổ sung theo nguyên tắc sau:

+ Thêm mới hoặc giảm NPT mà không làm sai sót dữ liệu đã kê khai trên tờ khai 05/QTT-TNCN và các Phụ lục và các Phụ lục khác kèm theo tờ khai QTT thì Tổ chức trả thu nhập chỉ cần khai mẫu 02TH cho các trường hợp cần thay đổi/bổ sung NPT.

+ Thêm mới hoặc giảm NPT có làm thay đổi dữ liệu đã kê khai trên tờ khai 05/QTT-TNCN và các Phụ lục khác kèm theo tờ khai thì Tổ chức trả thu nhập thực hiện kê khai như sau:

++ Khai bổ sung tờ khai QTT 05/QTT-TNCN và các Phụ lục cần điều chỉnh (trừ phụ lục 05-3/BK-QTT-TNCN) để điều chỉnh QTT.

++ Khai thông tin thay đổi/bổ sung về NPT vào mẫu 02TH để bổ sung thông tin/ cấp MST NPT.

Lưu ý:

- Trường hợp thay đổi thông tin về NNT đăng ký giảm trừ gia cảnh, mối quan hệ với NNT, thời gian giảm trừ từ tháng đến tháng thì tổ chức trả thu nhập sử dụng mẫu 02TH để kê khai.

- Trường hợp thay đổi các thông tin liên quan đến cấp MST (bao gồm số CMND và các thông tin trên giấy khai sinh) thì tổ chức trả thu nhập tập hợp mẫu 02-ĐK-TCT (TT số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính) của cá nhân nộp cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý (CQT thực hiện cấp nhật thông tin thay đổi trên của từng NPT trên ứng dụng TMS).